TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 08 tháng 9 năm 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Dần, bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Không

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L; sinh năm: 1972
Địa chỉ: Khu phố Y, thị trấn V, huyện T, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Bà Đinh Thị Q; Sinh năm: 1981
NĐKHKTT: Khu phố P, thị trấn V, huyện T, Thanh Hóa.
Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn V, huyện T, Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt bà Nguyễn Thị L (Bà L có đơn xin xét xử xắng mặt). Bà Đinh Thị Q vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Ngày 08/11/2022 bà Đinh Thị Q vay của bà Nguyễn Thị L số tiền là: 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 08/11/2022; hai bên thống nhất thỏa thuận lãi xuất 1,6%/ tháng/1 triệu đồng cho đến khi trả nợ xong.

Đến hạn trả nợ, bà Nguyễn Thị L đã yêu cầu bà Đinh Thị Q trả nợ nhiều lần nhưng bà Q đều hứa hẹn và cố tình không trả nợ. Nay bà L yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Đinh Thị Q phải trả cho bà L toàn bộ số tiền gốc là: 257.000.000đ (Hai trăm

năm mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2023 với lãi xuất 1,6%/ tháng/1 triệu đồng cho đến khi trả nợ xong.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải tại trung tâm H đối thoại ngày 07/4/2023 bà Đinh Thị Q trình bày: Ngày 08/11/2022 bà Q có vay của bà NguyễnThị L số tiền là 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng). Về tiền lãi, bà Q xin toàn bộ tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị Q trả số tiền gốc đã vay là 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh theo thoả thuận. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà Đinh Thị Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn V, huyện T, Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập bà Q để nộp bản tự khai, tuy nhiên bà Q không đến Tòa án làm việc và không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án. Do đó, không có lời khai của bà Q trong hồ sơ vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Đinh Thị Q nhưng bà Q vắng mặt nhiều lần không có lý do. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bà Q và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cho bà Q. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ bà Q lần thứ hai đến để tham gia phiên toà nhưng bà Q đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L1 và bà Đinh Thị Q.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại giấy vay tiền ngày 08/11/2022 thể hiện: Bà Đinh Thị Q có vay bà Nguyễn Thị L số tiền là: 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng). Thời hạn trả nợ là ngày 08/02/2023. Lãi xuất 1,6% /tháng/1.000.000 đồng. Như vậy đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi, không trái với quy định của pháp luật. Là hợp đồng hợp pháp.

[3] Về yêu cầu trả tiền:

- Về yêu cầu trả tiền gốc: Quá trình vay bà Q chưa trả được số tiền gốc nào. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải tại trung tâm H đối thoại bà Q thừa nhận đã vay bà L số tiền gốc là 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Bà L đề nghị Tòa án giải quyết, buộc bà Q phải trả ngay số tiền gốc cho bà, HĐXX thấy: Theo giấy vay tiền thể hiện thời hạn trả nợ là ngày 08/02/2023 nhưng đến nay bà Q vẫn chưa trả được tiền nợ cho bà L như cam kết. Như vậy bà Q đã vi phạm

nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy yêu cầu trả tiền nợ gốc của bà L là có sơ sở nên được chấp nhận. Buộc bà Q phải trả cho bà L số tiền gốc đã vay 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng) là đúng quy định của pháp luật.

- Về tiền lãi: Bà Đinh Thị Q trình bày do kinh tế khó khăn nên xin toàn bộ tiền lãi phát sinh. Bà L yêu cầu tính lãi từ ngày 01/4/2023 cho đến khi bà Q trả nợ xong toàn bộ tiền lãi và tiền gốc. Hội đồng xét xử thấy: Tại giấy vay tiền, bà L và bà Q đã thống nhất lãi xuất là 1,6% /tháng/1.000.000đồng. Đây là sự thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật về lãi xuất, nên mức lãi xuất 1,6% /tháng/1.000.000 đồng được chấp nhận. Đến nay bà L không chấp nhận cho bà Q toàn bộ tiền lãi mà yêu cầu bà Q trả tiền lãi tính từ ngày 01/4/2023 cho đến khi bà Q trả nợ xong, yêu cầu này của bà L không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do đó:

Thời gian tính lãi từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử là 161 ngày, số tiền lãi cụ thể là:

257.000.000đ x 1,6% x 161 ngày : 30 ngày = 22.067.733đ (Hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm ba ba đồng). Làm tròn số là 22.067.000 (Hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Tổng tiền gốc và lãi là: 257.000.000đ + 22.067.000 đ = 279.067.000 đ (Hai trăm bảy mươi chín triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị L được chấp nhận nên bà Đinh Thị Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 13.953.000đ (Mười ba triệu chín trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357; 463; 466; 468; 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc bà Đinh Thị Q phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là: 279.067.000 đ (Hai trăm bảy mươi chín triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Trong đó tiền gốc là: 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi là: 22.067.000 (Hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Đinh Thị Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,6% /tháng/1.000.000 đồng trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Bà Đinh Thị Q phải chịu 13.953.000đ (Mười ba triệu chín trăm năm mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L được hoàn trả lại số tiền 6.733.000đ (Sáu triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2021/0008040 ngày 27/4/2023.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bà Nguyễn Thị L và bà Đinh Thị Q. Bà Nguyễn Thị L, bà Đinh Thị Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thạch Thành;
-VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CCTHADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.